TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh p**

Bản án số: 22/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10-02-2026
V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị Ng, a P

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Chữ;

Ông Nguyễn Xuân Đồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Duy Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Ngô Tiến Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 284/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị Ng , sinh năm 1995 "vắng mặt".

Bị đơn: A Phạm Văn P, sinh năm 1996 "vắng mặt".

Cùng địa chỉ: TDP N, phường C, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/07/2025 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vi Thị Ng trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị và a Phạm Văn P có tìm hiểu, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã Tha Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi kết hôn, chị và a Phạm Văn P chung sống cùng nhau một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn từ khoảng tháng 5/2025. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, cả hai vợ ch không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tra cãi, to tiếng với nhau. Trong suốt thời gian mâu thuẫn, chị và a Phạm Văn P đã nhiều lần thương lượng, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ ch nhưng không được. Gia đình hai bên nội, ngoại cũng đã cố gắng tìm cách khuyên bảo vợ ch đoàn tụ với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Chị và a Phạm Văn P đã sống ly thân với nhau từ khoảng tháng 5/2025 đến nay, hiện cả hai không còn quan tâm, hỏi han đến cuộc sống của nhau. Nay chị thấy tình trạng hôn nhân đã quá trầm trọng, tình cảm vợ ch không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, do đó, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh giải quyết cho chị được ly hôn với a Phạm Văn P.

2. Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân, chị và a Phạm Văn P có 02 (hai) con chung là các cháu: Phạm Thế A (sinh ngày 09/09/2017) và cháu Phạm Thu H (sinh ngày 18/09/2019). Sau khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Thế A cho a Phạm Văn P nuôi dưỡng, đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Thu H cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn a Phạm Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: A xác định thời gian a và chị Ng cưới nhau, về chung sống, cưới có đăng ký kết hôn; Trong quá trình chung sống, vợ ch có phát sinh nhiều mâu thuẫn như chị Ng trình bày trên là đúng. Nay a xác định tình cảm vợ ch không còn, chị Ng có đơn yêu cầu ly hôn a đồng ý.

Về con chung: A và chị Ng có hai con chung như lời trình bày trên của chị Ng là đúng. Sau khi ly hôn a đồng ý với nguyện vọng trên của chị Ng, a nuôi 1 con Phạm Thế A còn chị Ng nuôi cháu Phạm Thu H;

Về tài sản chung, riêng công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của cháu Phạm Thế A: Nguyện vọng của cháu là được ở với bố (a Phạm Văn P).

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được tống đạt hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử công bố lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký Toà án thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình

theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Ng: Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vi Thị Ng và a Phạm Văn P. Về nuôi con chung: Giao cho chị Vi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thu H (sinh ngày 18/09/2019), giao cho a Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thế A (sinh ngày 09/09/2017) về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tra chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vi Thị Ng khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân Khu vực 5 – Bắc Ninh giải quyết ly hôn và con chung với a Phạm Văn P, a P có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố N, phường C, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tra chấp ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Bắc Ninh.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không lý do; Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và a P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hai bên được tự do tìm hiểu và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; Vợ ch cưới nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tha Hải, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, khi kết hôn đảm bảo các điều kiện kết hôn, không vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy, chị Ng trình bày vợ ch mâu thuẫn dẫn đến tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với a P. Đối với a P xác định cuộc sống vợ ch không hạnh p, hai bên hiện đã ly thân kể từ năm 2023, đến nay tình cảm vợ ch không còn chị Ng ly hôn a P đồng ý.Vì vậy xác định mâu thuẫn vợ ch giữa chị Ng và a P đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng, cho chị Vi Thị Ng ly hôn với a Phạm Văn P theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ ch có 02 (hai) con chung. Tòa án lấy lời khai của con trên 7 tuổi, nguyện vọng của cháu Phạm Thế A có nguyện vọng được ở với a Pham Văn P. Chị Ng và a P thống nhất với nhau về con chung sau ly hôn. Vì vậy căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cho a P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thế A sinh ngày 09/09/2017. Giao cho chị Vi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thu H sinh ngày 18/09/2019; Về cấp dưỡng nuôi con cả chị Ng và a P đều không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét và giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ng là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1 mục 1 phần II da mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị Ng ly hôn với a Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao cho chị Vi Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thu H, sinh ngày 18/09/2019; Giao cho a Phạm Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thế A, sinh ngày 09/09/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi nào khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, bên nào không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, Mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Vi Thị Ng phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001623 ngày 13/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 5 - Bắc Ninh.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 – Bắc Ninh;
- UBND phường C;
- Đương sự;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 5;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh